

Số: 03 /BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 12 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tại Kỳ họp thứ 2 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh; sau khi nghiên cứu 03 báo cáo, 10 tờ trình, 11 dự thảo nghị quyết kèm theo và các văn bản bổ sung liên quan khác trình thẩm tra trước Kỳ họp thứ 2 - HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, hội nghị tham vấn với một số ngành, địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

Phần 1. Các báo cáo

I. Tình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm, các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu tiếp thực thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2025 (lĩnh vực kinh tế ngân sách) (Báo cáo số 45/BC-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025

Qua rà soát, thẩm tra Ban Kinh tế - Ngân sách đồng tình nội dung báo cáo do UBND tỉnh trình tại kỳ họp, đồng thời nhấn mạnh một số vấn đề sau: Việc tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025 theo Nghị quyết của HĐND tỉnh đạt kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, nền kinh tế tiếp tục được giữ ở mức ổn định; sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, trong đó sản xuất lâm nghiệp tăng mạnh so với cùng kỳ; sản xuất công nghiệp phát triển ổn định; môi trường đầu tư từng bước được cải thiện; an sinh xã hội được đảm bảo; đời sống văn hóa và tinh thần của người dân tiếp tục được nâng cao. Tổng sản phẩm (theo giá so sánh) trên địa bàn ước đạt khoảng 28.560 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 7,48%¹, đứng thứ 23/34 tỉnh, thành cả nước. Cơ cấu GRDP (theo giá hiện hành): Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20,44% (đạt gần 5.520 tỷ đồng, tăng 3,79%); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 27,11% (đạt gần 7.624 tỷ đồng, tăng 9,13%); khu vực dịch vụ chiếm 48,89% (đạt gần 14.388 tỷ đồng, tăng 8,25%). Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,56% (đạt 1.030 tỷ đồng, tăng 5,32%). Qua đó có thể thấy các ngành phi nông nghiệp đã thể hiện rõ vai trò, vị thế trong nền kinh tế khi duy trì gia tăng ở quy mô khá cao và chiếm tỷ trọng lớn trong đóng góp vào tăng trưởng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện gần 27.220 tỷ đồng², tăng 12,4% so với cùng kỳ; Tổng thu NSNN trên

¹ Trong đó: Quảng Bình tăng 8,14% (kịch bản tăng trưởng: 7,74%); Quảng Trị tăng 6,67% (kịch bản tăng trưởng: 7,16%).

² Trong đó: Quảng Bình đạt 16.200 tỷ đồng, tăng 14,3% so với cùng kỳ; Quảng Trị đạt hơn 11.015 tỷ đồng, tăng 9,78% so với cùng kỳ.

địa bàn 6 tháng đầu năm đạt 7.187 tỷ đồng³, đạt 64,4% so với dự toán Trung ương giao và 60,4% so với dự toán địa phương giao, tăng 24,3% so với cùng kỳ. Việc tổ chức sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp trong những tháng đầu năm 2025 đã tạo ra dư địa cho phát triển, quy mô nền kinh tế của tỉnh được mở rộng, lượng vốn đầu tư được huy động vào nền kinh tế tăng; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát huy lợi thế của tỉnh về sở hữu nhiều cửa khẩu quốc tế, sân bay, bến cảng, khu công nghiệp, khu kinh tế và các hạ tầng giao thông quan trọng khác. Đây sẽ là động lực mới cho tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh trong thời gian tới.

Bên cạnh những kết quả đạt được, sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2025 bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết bất thường xảy ra cuối Vụ Đông - Xuân và cơn bão số 1 gây thiệt hại nặng nề đến vụ Hè - Thu. Một số ngành sản xuất công nghiệp sản lượng sản xuất giảm so với cùng kỳ do thiếu hụt nguyên liệu đầu vào và tính chất sản xuất theo thời vụ; tốc độ tăng trưởng khu vực công nghiệp - xây dựng chưa đạt được kịch bản đề ra. Hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa đáp ứng kịp nhu cầu du khách trong các dịp cao điểm.

Về nguyên nhân khách quan: Các yếu tố chính trị, địa chính trị trên thế giới và trong khu vực diễn biến phức tạp đã gây ra những bất ổn, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và kinh doanh. Việc điều chỉnh các chính sách tiền tệ có thể ảnh hưởng đến lạm phát, lãi suất và sức mua của người dân trên địa bàn. Hệ thống pháp luật liên quan đến các chính sách như: đầu tư, thuế, tín dụng,... đang trong quá trình hoàn thiện, công tác sắp xếp tổ chức bộ máy chưa có tiền lệ, diễn ra trong thời gian gấp rút đã tạo áp lực không nhỏ lên toàn bộ hệ thống chính trị. Việc sáp nhập tỉnh tác động lên thị trường bất động sản ở phía Nam của tỉnh đã phần nào ảnh hưởng đến nguồn thu từ đầu giá QSD đất của tỉnh.

Nguyên nhân chủ quan: Nguồn nhân lực chất lượng cao, hoặc trình độ lao động chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của thị trường, nhà đầu tư đã ảnh hưởng đến năng suất lao động và năng lực cạnh tranh của tỉnh. Cơ sở hạ tầng còn thiếu đồng bộ đã gây cản trở (*tăng chi phí vận chuyển, giảm khả năng kết nối, liên kết vùng...*) cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Trách nhiệm, năng lực điều hành của các cấp, các ngành vẫn còn bộc lộ một số hạn chế; việc chỉ đạo, điều hành ở một số khâu, một số lĩnh vực, một số việc đôi lúc vẫn chưa kịp thời, mạnh mẽ và quyết liệt (đặc biệt là công tác bồi thường GPMB, một số vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư, đất đai, quy hoạch, cải cách hành chính...).

2. Nhiệm vụ, giải pháp năm 2025

a) Về mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu năm 2025

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất các chỉ tiêu về kinh tế, môi trường, đô thị, nông thôn và các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nêu tại dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 290/TTr-UBND ngày 30/7/2025 của UBND tỉnh trình tại kỳ họp;

³ Quảng Bình đạt hơn 4.519 tỷ đồng, đạt 69,2% dự toán Trung ương giao và đạt 64,9% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 27,8% so với cùng kỳ; Quảng Trị đạt 2.667 tỷ đồng, đạt 58% dự toán Trung ương giao và 54% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 14% cùng kỳ).

đồng thời đề nghị HĐND tỉnh thống nhất bổ sung kịch bản tăng trưởng, giải pháp đột phá chính như sau:

Để tốc độ tăng trưởng năm 2025 đạt từ 8% trở lên thì dự kiến 6 tháng cuối năm 2025 GRDP tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất) phải đạt 8,5% trở lên so với cùng kỳ, GRDP theo giá so sánh 2010 là 32.896,6 tỷ đồng. cụ thể:

- Khu vực Nông, lâm nghiệp, thủy sản đạt 3,2%; tương ứng với GRDP theo giá so sánh tăng thêm là 160,3 tỷ đồng so với cùng kỳ;

- Công nghiệp - Xây dựng đạt 12,1% (Công nghiệp đạt 9,4%, Xây dựng đạt 14,3%); tương ứng với GRDP theo giá so sánh tăng thêm là 1.116,8 tỷ đồng so với cùng kỳ;

- Dịch vụ đạt 8,0%; tương ứng với GRDP theo giá so sánh tăng thêm là 1.198,4 tỷ đồng so với cùng kỳ;

- Thuế SP trừ trợ cấp sản phẩm đạt 7,5%; tương ứng với GRDP theo giá so sánh tăng thêm là 90,0 tỷ đồng so với cùng kỳ;

- Quy mô GRDP năm 2025 đạt khoảng 126.151,7 tỷ đồng; GRDP bình quân đầu người đạt 79,1 triệu đồng.

- Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước tính 6 tháng cuối năm: 42.580,5 tỷ đồng.

b) Năng lực sản xuất tăng thêm các ngành, lĩnh vực

**** Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:***

- *Nông nghiệp*: Phần đầu tăng 3,58%. Trong đó: Trồng trọt hiện trạng vụ Đông Xuân vượt kế hoạch, Hè Thu đang sinh trưởng và phát triển tốt, nhất là diện tích gieo cấy lại sau bão số 1 với diện tích tái sinh 8.500 ha; dự kiến thời tiết thuận lợi, không bị thiệt hại do bão lũ. Chăn nuôi hiện trạng đàn lợn, bò, gia cầm đều ổn định, tỷ lệ tiêm phòng đạt cao; giá thị trường cao, ổn định (dịp cuối năm, lễ tết...); dịch bệnh (dịch tả lợn châu Phi) dự kiến kiểm soát tốt 6 tháng cuối năm.

- *Lâm nghiệp*: Phần đầu tăng 3,44% là phù hợp xu thế tăng mạnh diện tích gỗ lớn (23.547 ha rừng gỗ lớn), diện tích rừng trồng mới tăng 6,9%, sản lượng khai thác gỗ tăng 27,5%. Giải pháp tận dụng chính là hỗ trợ chứng chỉ FSC cho doanh nghiệp, HTX trồng rừng; Tập trung vào vùng nguyên liệu chế biến gỗ.

- *Thủy sản*: Phần đầu tăng 2,27% từ tăng sản lượng vụ cá Nam (tháng 7-10), dự báo thời tiết thuận lợi; tăng diện tích nuôi trồng thủy sản, cá lồng (ven biển, vùng nước lợ). Với các giải pháp như hỗ trợ khuyến khích tàu cá tham gia vùng biển xa, ra khơi bám biển dài ngày; tăng cường kiểm dịch giống, không để xảy ra dịch bệnh thủy sản; kết nối tiêu thụ thủy sản... ước dư địa tăng thêm sản lượng khai thác vượt 140.000 tấn và diện tích nuôi đạt trên 9.000 ha.

Tập trung khắc phục thiệt hại do cơn bão số 1; đẩy nhanh tiến độ gieo trồng và tăng cường chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh các cây trồng vụ Hè thu; chỉ đạo chuẩn bị tốt nhất các điều kiện triển khai sản xuất vụ Thu đông, Đông và vụ Đông xuân 2025 - 2026. Đôn đốc địa phương đẩy mạnh quy mô, phát

triển chăn nuôi gia súc gia cầm để đảm bảo nguồn cung cho thị trường. Tiếp tục chú trọng phát huy thế mạnh về sản xuất gỗ rừng trồng và khai thác, nuôi trồng thủy, hải sản.

*** Khu vực Công nghiệp, xây dựng:**

- Công nghiệp phân đầu đạt 9,4%, trên cơ sở dự báo tiếp tục duy trì tăng trưởng, do một số năng lực mới được đầu tư và đi vào hoạt động như: Công ty TNHH Khoáng sản Quang Sơn Đức (Mỏ quặng sắt Làng Hồ); Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Trị (Quặng titan); Nhà máy viên nén của Công ty Cổ phần Đầu tư BVN Quảng Bình (viên gỗ); Công ty CP Thủy điện Trường Thịnh (Nhà máy thủy điện La Trọng); Nhà máy điện gió Hướng Linh 4; Nhà máy điện gió Hải Anh; Nhà máy điện gió Tân Hợp; Nhà máy điện gió Hướng Phùng 1;...

- Xây dựng phân đầu đạt 14,3%, với các giải pháp như tiếp tục triển khai thực hiện nhiều công trình, dự án lớn như: Dự án Cơ sở hạ tầng thuộc Trung tâm điện lực Quảng Trạch; Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I; Dự án Nhà ga hành khách T2 và mở rộng sân đỗ máy bay - Cảng HK Đồng Hới; Dự án Khu công nghiệp Cam Liên; Dự án Cảng tổng hợp quốc tế Hòn La; Dự án Đường ven biển và Cầu Nhật lệ 3; Dự án Khu công nghiệp Quảng Trị; Dự án Cảng hàng không Quảng Trị; Dự án Khu bến cảng Mỹ Thủy; Dự án hệ thống băng tải vận chuyển than từ Lào về Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế La Lay;...

Tiếp tục triển khai hiệu quả Quy hoạch điện VIII và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh; hoàn thành và đưa vào vận hành các dự án điện, truyền tải quan trọng. Đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư công nghiệp lớn, công nghệ tiên tiến; tăng cường ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ để sản xuất sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, tham gia chuỗi giá trị. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các quy hoạch xây dựng các khu đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp, các kế hoạch, đề án về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, đô thị thông minh, đô thị tăng trưởng xanh.

*** Khu vực thương mại, dịch vụ:** Phân đầu tăng 8,0% tập trung chủ yếu ở Khu đô thị hỗn hợp ven biển Nhật Lệ (tổng mức đầu tư: 12.507.342 triệu đồng); Khu đô thị hỗn hợp trung tâm thành phố Đồng Hới, phía Tây hồ Bàu Tró (tổng mức đầu tư: 11.930.100 triệu đồng); Khu đô thị hỗn hợp phía Tây sông Lệ Kỳ (tổng mức đầu tư: 13.889.206 triệu đồng); Dự án đầu tư xây dựng Khu bến cảng Mỹ Thủy (tổng vốn đầu tư 15.000 tỷ đồng). Dự án Cảng hàng không Quảng Trị (tổng mức đầu tư là 5.821,073 tỷ đồng).

Tiếp tục chú trọng thực hiện hiệu quả các giải pháp kích cầu tiêu dùng trên từng địa bàn, từng mặt hàng, chương trình OCOP, thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến. Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường (đặc biệt là các quy định mới về quản lý thuế, quản lý thị trường); kết nối tiêu thụ sản phẩm địa phương vào các chuỗi phân phối trong và ngoài tỉnh. Phát triển các trung tâm logistics liên tỉnh kết nối Cảng Mỹ Thủy, Cảng Hòn La, sân bay Đồng Hới, các tuyến cao tốc, quốc lộ và đường sắt nhằm phục vụ vận chuyển nguyên liệu và

sản phẩm công nghiệp.

* **Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm:** Thuế SP trừ trợ cấp sản phẩm đạt 7,5%; tương ứng với GRDP theo giá so sánh tăng thêm là 90 tỷ đồng so với cùng kỳ.

* **Tổng vốn đầu tư toàn xã hội** dự kiến 6 tháng cuối năm 2025 tăng thêm 42.581 tỷ đồng, trong đó: Vốn khu vực nhà nước: khoảng 15.667 tỷ đồng; vốn khu vực ngoài nhà nước: Dự kiến khoảng 26.624 tỷ đồng; vốn khu vực FDI: khoảng 290 tỷ đồng. Cụ thể:

- **Vốn khu vực nhà nước:** Dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn; Dự án nâng cấp, mở rộng một số cầu, hầm trên Quốc lộ 1 (cầu Gianh, cầu Quán Hàu và hầm Đèo Ngang); Dự án đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3; Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị (BIIG 2); Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây; Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) và các dự án của các Bộ, ngành TW triển khai trên địa bàn tỉnh và các dự án của nhà đầu tư như Dự án đường bộ cao tốc Bắc - Nam đoạn qua tỉnh...

- **Vốn khu vực ngoài nhà nước:**

+ Các dự án hạ tầng động lực của tỉnh: Cảng hàng không Quảng Trị; Khu bến Cảng Mỹ Thủy; Xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển than đá từ Lào về Việt Nam đoạn trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam; Đường cao tốc Cam Lộ - Lao Bảo, Quốc lộ 15D theo hình thức PPP.

+ Các dự án nông lâm ngư nghiệp: Nhà máy gia công nội thất mỹ nghệ Quang Huy ĐKR. Các dự án triển khai trong thời gian tới: Khu nuôi lợn CNC/Cty Việt Tiến HT; Khu nuôi lợn CNC/Cty Thành Sen QT;...

+ Các dự án phát triển công nghiệp: Nhà máy sản xuất thiết bị và các sản phẩm xử lý nước thải, nước cấp; Nhà máy sản xuất và gia công lắp dựng kết cấu thép TTB; Nhà máy sản xuất trang phục lót và hàng thể thao; Nhà máy sản xuất gạch Tuynel công nghệ cao Hạ Long...

+ Các dự án thương mại dịch vụ và du lịch: Cửa hàng xăng dầu số 01 Trường Thịnh Quảng Trị. Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Giang Hải; Khu du lịch sinh thái Rú Lịnh; Khu dịch vụ thương mại kết hợp trạm cấp nhiên liệu tại La Lay; Cây xăng dầu Việt Lào.VN; Trung tâm hậu cần và Logistics Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

+ Các dự án phát triển điện lực: Hiện nay, tổng công suất đã phát điện và vận hành thương mại trên địa bàn tỉnh là 1.459,8 MW; trong đó, gồm 21 Dự án Nhà máy điện gió với tổng công suất 994,2MW, 11 Dự án Nhà máy thủy điện với tổng công suất 181,5MW, 04 Dự án Nhà máy điện mặt trời mặt đất với tổng công suất 159,2MW (199MWp) và 1.204 hệ thống điện MTMN với tổng công suất 126,7MW.

+ Các dự án đô thị: Dự án Khu dân cư Tây Nam Quốc lộ 1 (giai đoạn 2) thị trấn Hồ Xá của Công ty cổ phần tập đoàn Thịnh Phát.

+ Các dự án đang triển khai khác: Dự án Khu nghỉ dưỡng Phú Ninh của Công ty cổ phần Phú Ninh; Dự án Khu du lịch nghỉ dưỡng Taseco Quảng Bình của Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Taseco và một số dự án chuẩn bị phê duyệt chủ trương đầu tư, tổ chức đấu thầu, đấu giá lựa chọn nhà đầu tư khác.

- *Vốn khu vực FDI*: Nhà máy Sản xuất và gia công may mặc PI Vina Quảng Trị; Khu công nghiệp Quảng Trị (VSIP; Sangshin CENTRAL Việt Nam; Nhà máy bê tông nhựa nóng; Công ty TNHH Năng lượng Lào Việt.

Qua các đánh giá trên có thể thấy, cơ cấu ngành kinh tế theo tổng sản lượng GRDP của tỉnh đã thay đổi theo hướng tích cực và có chất lượng khá tốt. Cơ cấu ngành nông, lâm, thủy sản đã có sự thay đổi khá tích cực dựa vào những ngành có tiềm năng và dư địa phát triển lớn nhưng chất lượng còn chưa cao. Nội bộ ngành công nghiệp - xây dựng đã dịch chuyển dần dựa vào công nghiệp nhiều hơn. Cơ cấu ngành thương mại - dịch vụ chịu sự chi phối của ngành dịch vụ, các ngành thương mại có xu hướng phát triển tốt thông qua gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu ở các khu kinh tế cửa khẩu.

c) Các giải pháp đột phá

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với UBND tỉnh về 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trên cơ sở tích hợp các nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã ban hành tại các Nghị quyết Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và Nghị quyết điều chỉnh Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 của 02 tỉnh trước sáp nhập⁴; đồng thời tập trung triển khai có hiệu quả các nhóm giải pháp sau:

- Triển khai các quy định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền bảo đảm đồng bộ, liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, thực hiện thông suốt các công việc theo thẩm quyền 2 cấp. Kịp thời hướng dẫn, xử lý các vấn đề phát sinh, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sắp xếp các ĐVHC.

- Ưu tiên hoàn thành quy hoạch tỉnh, các quy hoạch ngành, lĩnh vực và quy hoạch xã.

- Tập trung rà soát lại các công trình/ dự án có khả năng hoàn thành, các công trình/ dự án chuyển tiếp theo kế hoạch và các công trình/ dự án không thể hoàn thành trong kỳ đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Triển khai quyết liệt, mạnh mẽ, hiệu quả hơn nữa các nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh, tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 ở mức cao nhất. Xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và năm 2026 theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính.

- Các cấp, các ngành theo dõi chặt chẽ tiến độ thu ngân sách, có các giải pháp thu để hoàn thành dự toán thu ngân sách ở mức cao nhất. Đảm bảo đầy đủ các khoản chi lương, chi cho các đối tượng chính sách, chi cho an sinh xã hội và công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai,... Nâng cao hiệu quả quản lý thuế; tích cực

⁴ Nghị quyết số 90/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024, Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐND ngày 20/2/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) và Nghị quyết số 209/NQ-HĐND ngày 11/12/2024, Nghị quyết số 232/NQ-HĐND ngày 19/2/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ).

thu hồi nợ đọng thuế.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình; duy trì việc rút ngắn thời gian xử lý các thủ tục đăng ký kinh doanh dưới mức bình quân của cả nước. Định kỳ tổ chức hội nghị, tăng cường đối thoại giữa UBND tỉnh với doanh nghiệp.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Mở rộng mối quan hệ với các đối tác quốc tế, tăng cường quảng bá hình ảnh, xúc tiến đầu tư, tổ chức có hiệu quả các hoạt động đối ngoại. Tăng cường quản lý biên giới và hợp tác với nước bạn Lào, công tác thông tin đối ngoại, lãnh sự, đối ngoại nhân dân và người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2025 và 5 năm 2021-2025

Trên cơ sở tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm 2025; dự báo có 15/16 chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025 của tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất) đạt kế hoạch đề ra (01 chỉ tiêu về cơ cấu kinh tế không đạt). Cụ thể các chỉ tiêu kinh tế, môi trường, đô thị, nông thôn, như sau:

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt 8,0%. Trong đó: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,52%; Khu vực công nghiệp - xây dựng tăng 10,80% (trong đó, công nghiệp tăng 8,44%, xây dựng tăng 12,99%); Khu vực dịch vụ tăng 8,14%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,54%
- Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp và thủy sản: 17,58%; Công nghiệp - xây dựng: 31,01%; Dịch vụ: 47,71%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 3,70%;
- Thu ngân sách trên địa bàn đạt 11.600 - 12.100 tỷ đồng;
- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 69.800 tỷ đồng;
- GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) đạt 79,1 triệu đồng.
- Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 86,2%;
- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch và hợp vệ sinh đạt 98,4%;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đạt 89,5% (Trong đó, khu vực đô thị đạt 97,5%; khu vực nông thôn đạt 83,3%).
- Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý đạt 100%;
- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định khoảng 61,5%;
- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn NTM đạt 56,5%

Dự báo tình hình thực hiện Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của HĐND tỉnh 5 năm giai đoạn 2021-2025 sẽ gặp phải một số khó khăn, thách thức, theo đó: tỉnh Quảng Bình có 12/15 chỉ tiêu dự kiến đạt và vượt kế hoạch

đề ra⁵; tỉnh Quảng Trị cũ có 15/18 chỉ tiêu dự kiến đạt và vượt kế hoạch đề ra⁶. Các chỉ tiêu về tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới; Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế không đánh giá do thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

II. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp 6 tháng cuối năm 2025 (Báo cáo số 37 BC-UBND ngày 05/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Công tác phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công năm 2025:

a) Kế hoạch đầu tư công năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ giao⁷ cho tỉnh Quảng Trị (mới) từ đầu năm là 9.301,259 tỷ đồng, cụ thể:

- Tỉnh Quảng Trị (cũ): 4.829,819 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 1.541,47 tỷ đồng⁸; Vốn ngân sách trung ương: 2.537,863 tỷ đồng⁹; Tăng thu ngân sách trung ương năm 2022: 436 tỷ đồng¹⁰; Chương trình MTQG: 307,273 tỷ đồng¹¹.

- Tỉnh Quảng Bình (cũ): 4.471,44 tỷ đồng, trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 2.825,330 tỷ đồng¹²; Vốn ngân sách trung ương: 1.277,238 tỷ đồng¹³; Chương trình MTQG: 368,872 tỷ đồng¹⁴.

b) Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh Quảng Trị mới được cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung, cụ thể:

- HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) giao đầu năm tăng so với Thủ tướng Chính phủ là 383 tỷ đồng; trong đó: nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất: 300 tỷ đồng; nguồn XSKT: 13 tỷ đồng; Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới: 70 tỷ đồng.

- HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ) giao đầu năm tăng so với Thủ tướng Chính phủ là 0,268 tỷ đồng; trong đó: nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất (giảm) 25,576 tỷ đồng; Thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng giao bổ sung 25,844 tỷ đồng.

- HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) điều chỉnh giảm nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất cấp tỉnh quản lý 90,655 tỷ đồng¹⁵; trong đó: Thu từ đầu giá quyền sử dụng đất ở 39,474 tỷ đồng; Thu đầu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng 51,181 tỷ đồng.

⁵ Các chỉ tiêu không đạt: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia

⁶ Các chỉ tiêu không đạt: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP); cơ cấu kinh tế; Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế

⁷ Tại Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ;

⁸ Trong đó: Cân đối theo tiêu chí 439,57 tỷ đồng; Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 900 tỷ đồng; Xổ số kiến thiết 45 tỷ đồng; Bội chi NSĐP 156,9 tỷ đồng

⁹ Trong đó: Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.155,756 tỷ đồng; Vốn trong nước đầu tư dự án đường ven biển: 713,612 tỷ đồng; Vốn nước ngoài: 668,495 tỷ đồng

¹⁰ Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua khu vực cầu Cửa Tùng và Cửa Việt

¹¹ Trong đó: Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 155,562 tỷ đồng; Chương trình giảm nghèo: 57,741 tỷ đồng; Chương trình xây dựng nông thôn mới: 93,97 tỷ đồng

¹² Trong đó: Cân đối theo tiêu chí 443,23 tỷ đồng; Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 2.048 tỷ đồng; Xổ số kiến thiết 82 tỷ đồng; Bội chi NSĐP 252,1 tỷ đồng

¹³ Trong đó: Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 1.050,782 tỷ đồng; Vốn nước ngoài: 226,456 tỷ đồng

¹⁴ Trong đó: Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 199,747 tỷ đồng; Chương trình giảm nghèo: 14,37 tỷ đồng; Chương trình xây dựng nông thôn mới: 154,755 tỷ đồng

¹⁵ Tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025

- Thủ tướng Chính phủ bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn NSTW cho địa phương thực hiện các Chương trình MTQG là 88,38 tỷ đồng¹⁶, trong đó: Tỉnh Quảng Trị (cũ): 64,431 tỷ đồng¹⁷; Tỉnh Quảng Bình (cũ): 23,949 tỷ đồng¹⁸

c) Kế hoạch đầu tư công năm 2025 của tỉnh Quảng Trị (mới) được tỉnh giao đến nay là 9.682,252 tỷ đồng, cụ thể:

- Tỉnh Quảng Trị (cũ): 5.186,595 tỷ đồng, bằng 107% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm; trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 1.833,815 tỷ đồng; Vốn ngân sách trung ương: 2.537,863 tỷ đồng; Tăng thu ngân sách trung ương năm 2022: 436 tỷ đồng; Chương trình MTQG: 378,917 tỷ đồng.

- Tỉnh Quảng Bình (cũ): 4.495,657 tỷ đồng, bằng 101% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đầu năm; trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 2.825,598 tỷ đồng; Vốn ngân sách trung ương: 1.277,238 tỷ đồng; Chương trình MTQG: 392,821 tỷ đồng.

2. Công tác giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025

Tính đến ngày 30/6/2025, tổng giá trị giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch 2025 của tỉnh Quảng Trị (mới) là 3.717,45 tỷ đồng, đạt 39,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 38,4% kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao, cụ thể:

- Tỉnh Quảng Trị (cũ): giải ngân 1.401,912 tỷ đồng, đạt 28,6% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao và đạt 27% kế hoạch Hội đồng nhân dân tỉnh giao; trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 617,002 tỷ đồng, đạt 40% kế hoạch; Vốn ngân sách trung ương: 605,241 tỷ đồng, đạt 23,8%; Tăng thu ngân sách trung ương: 8,533 tỷ đồng, đạt 2%; Chương trình MTQG: 171,136 tỷ đồng, đạt 45,2%.

- Tỉnh Quảng Bình (cũ): giải ngân 2.315,538 tỷ đồng, đạt 51,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Vốn ngân sách địa phương: 1.705,501 tỷ đồng, đạt 60,4%; Vốn ngân sách trung ương: 370,199 tỷ đồng, đạt 29%; Chương trình MTQG: 239,838 tỷ đồng, đạt 61,1%.

3. Tồn tại, hạn chế

Quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trong 6 tháng đầu năm 2025 gặp một số khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến công tác giải ngân như: (1) Những tháng đầu năm nhiều công trình chưa kịp nghiệm thu khối lượng để thanh toán; (2) Nhiều dự án khởi công mới yêu cầu phải hoàn thiện nhiều thủ tục liên quan mới có thể thi công và giải ngân được trong đó có một số dự án được bố trí vốn khá lớn, dự án đặc thù (văn hóa, bảo tồn, tôn tạo di tích) nên thời gian thẩm định, phê duyệt kéo dài; (3) Một số dự án ODA triển khai thực hiện gặp vướng mắc do hồ sơ, thủ tục phụ thuộc vào ý kiến không phản đối của nhà tài trợ, thời gian ký kết, điều chỉnh Hiệp định vay kéo dài; (4) Các dự án được bố trí từ các Chương trình MTQG chủ yếu là các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng có quy mô

¹⁶ Tại Quyết định số 1148/QĐ-TTg ngày 13/6/2025

¹⁷ Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 62,644 tỷ đồng; Chương trình giảm nghèo: 1.787 tỷ đồng

¹⁸ Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS&MN: 23,589 tỷ đồng; Chương trình xây dựng nông thôn mới: 0,36 tỷ đồng

nhỏ nên chỉ tổ chức nghiệm thu khi công trình hoàn thành; (5) Công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB phục vụ thi công dự án còn gặp nhiều khó khăn; (6) Công tác chuẩn bị đầu tư chưa thực sự tốt, thiếu chủ động; vẫn còn tình trạng “vốn chờ dự án đủ thủ tục” hoặc phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, dự toán, chậm triển khai thi công.

- Hiện nay, hệ thống pháp luật đang trong quá trình hoàn thiện để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Trong lĩnh vực đầu tư xây dựng, nhiều quy định còn chồng chéo, phân tán, thiếu liên thông; thủ tục hành chính chưa được hướng dẫn thống nhất, kịp thời. Thể chế pháp luật về đầu tư công chưa đồng bộ, nhiều văn bản mới ban hành, liên tục điều chỉnh, gây lúng túng cho các ngành, địa phương trong quá trình triển khai.

- Công tác bồi thường, hỗ trợ và GPMB còn tồn tại nhiều bất cập. Một số dự án đã được bố trí kế hoạch vốn lớn nhưng giải ngân chậm do vướng mắc trong xác định giá đất, đơn giá bồi thường và phương án hỗ trợ chưa được người dân đồng thuận. Việc điều chỉnh giá đất trong quá trình thực hiện gây khó khăn trong tổ chức thực hiện của chủ đầu tư và chính quyền địa phương.

- Nguồn cung đất làm vật liệu san lấp phục vụ các dự án hạ tầng quy mô lớn hiện chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Nhiều khu vực chưa công bố đầy đủ giá mỏ vật liệu, gây khó khăn trong công tác lập, thẩm định và phê duyệt dự toán xây dựng. Đây là một trong những vướng mắc phổ biến, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai nhiều dự án trên địa bàn tỉnh, cần được tháo gỡ đồng bộ từ cấp tỉnh đến trung ương.

- Đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (PPP), vẫn còn nhiều khó khăn về cơ chế, chính sách. Một số nội dung trong Luật PPP và các văn bản hướng dẫn chưa cụ thể, thiếu tính thống nhất. Công tác lựa chọn nhà đầu tư, đàm phán, ký kết hợp đồng PPP giữa các địa phương chưa đồng đều. Do tính chất liên ngành, liên lĩnh vực của loại hình đầu tư này, cần sự phối hợp chặt chẽ, thống nhất giữa các sở, ban, ngành liên quan.

4. Giải pháp

Ban Kinh tế - Ngân sách cơ bản đồng tình với 09 nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong báo cáo của UBND tỉnh trình tại kỳ họp. Để đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn, đề nghị UBND nghiên cứu có giải pháp cho tạm ứng để giải quyết việc bố trí vốn đối với 08 công trình dự án sử dụng nguồn thu xổ số kiến thiết và nguồn thu quỹ đất. Kế hoạch vốn bố trí năm 2025 cho 08¹⁹ dự án là 129.189 triệu đồng. Đến nay mới chỉ được phân bổ 3.350 triệu đồng (còn 125.839

¹⁹ (1) Dự án sử dụng vốn xổ số kiến thiết gồm 04 dự án: Dự án Đầu tư sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất y tế tuyến tỉnh, tuyến huyện; dự án Thành phần 1: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện VL, huyện GL, huyện CL và TP Đông Hà thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị trực thuộc sở GD và ĐT; dự án Thành phần 2: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện Đakrông, huyện Hướng Hóa thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị trực thuộc sở GD và ĐT; dự án Thành phần 3: Nâng cấp CSVC các ĐV trực thuộc sở GD và ĐT trên địa bàn huyện TP, huyện HL, TX Quảng Trị thuộc dự án: Đầu tư NCCSVC các đơn vị trực thuộc sở GD và ĐT. (2) Dự án sử dụng vốn quỹ đất gồm 04 dự án: Dự án Nhà ở vận động viên năng khiếu tỉnh; dự án Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông; dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Quảng Trị (BIIG2); dự án Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị.

triệu đồng chưa được nhập Tabmis, trong đó vốn xố số kiến thiết 38.778 triệu đồng; vốn quỹ đất 72.061 triệu đồng) và 01²⁰ dự án từ nguồn cân đối theo tiêu chí chưa bố trí 15.000 triệu đồng. Chủ động rà soát các công trình, dự án còn thiếu vốn; nhóm các dự án xây dựng trụ sở cơ quan do ngừng xây dựng để phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã để có phương án điều chỉnh kịp thời nhằm thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư công năm 2025.

- Về kinh phí thuê tư vấn xác định giá đất cụ thể: Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các Sở Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn cụ thể để UBND xã có căn cứ thực hiện, đặc biệt đối với dự án đi qua nhiều địa bàn liên xã. Đề xuất nghiên cứu phương án giao Chủ đầu tư sử dụng kinh phí từ tổng mức đầu tư của dự án để triển khai, nhằm đẩy nhanh tiến độ GPMB; sớm kiện toàn Ban chỉ đạo GPMB cấp xã để chỉ đạo công tác GPMB kịp thời, hiệu quả.

- Do chính quyền cấp huyện chấm dứt hoạt động từ 01/7/2025, đề nghị UBND tỉnh sớm có phương án giao nhiệm vụ GPMB cho các cơ quan, đơn vị kế thừa nhiệm vụ để tránh gián đoạn công việc.

- Về lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành Quyết định về Quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thống nhất trên địa bàn Quảng Trị.

- Chỉ đạo các sở ngành liên quan sớm có giải pháp tháo gỡ khó khăn về vật liệu xây dựng, đất đắp nhằm đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân kế hoạch vốn; thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường, tổ chức khảo sát, cập nhật và công bố giá vật liệu xây dựng phù hợp, đầy đủ chủng loại, đặc biệt với các vật liệu có biến động lớn về giá, tạo thuận lợi trong công tác lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

III. Báo cáo Tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP 6 tháng đầu năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2025 (Báo cáo số 36/BC-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh)

Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất báo cáo tình hình thực hiện dự toán thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP 6 tháng đầu năm 2025 của UBND tỉnh, với các nội dung chính: Kết quả thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025 đạt được nhiều kết quả tích cực, thu NSNN là 7.187 tỷ đồng, đạt 60,4% dự toán địa phương giao²¹; có 15/18 khoản thu đạt tiến độ trên 50% DT giao²², 11/18 khoản thu tăng so với cùng kỳ²³. Tổng chi NSDP 6 tháng đầu năm là 17.458 tỷ đồng/29.368 tỷ đồng, đạt

²⁰ Vốn cân đối theo tiêu chí gồm 01 dự án: Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị.

²¹ trong đó thu cân đối đạt 5.324,2 tỷ đồng, đạt 57% dự toán địa phương giao; thu XNK 1.738 tỷ đồng, đạt 68,19% DT.

²² thu từ DNNN TW (50,3%), thu từ DNNN địa phương (60,5%), thu từ ĐTNN (51,1%), thu từ CTN và dịch vụ NQD (50,5%), thu thuế TNCN (70,3%), thu tiền sử dụng đất (62,2%), thu tiền thuê đất (62,2%), thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (227%), thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế (78,7%), thu lệ phí trước bạ (67,3%), thu phí lệ phí (59,7%), thu khác ngân sách (62,1%), thu hoa lợi công sản (63%), thu tiền cấp quyền KTKS (101,7%), thu tiền sử dụng khu vực biển (52%).

²³ thu từ DNNN ĐP (109,1%), thu từ DN có vốn ĐTNN (119,4%), thu từ CTN và dịch vụ NQD (100%), thuế TNCN (122,9%), thu tiền sử dụng đất (147%), thu tiền thuê đất (114,7%), thu thuế BVMT (115,8), lệ phí trước bạ

59,4% DT. Các nhiệm vụ chi ngân sách được thực hiện theo dự toán HĐND tỉnh giao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, quản lý nhà nước, đảm bảo các nhiệm vụ chi an sinh xã hội... Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn 3 khoản thu không đạt tiến độ DT²⁴; nợ thuế tuy có giảm so với thời điểm 31/12/2024 nhưng vẫn ở mức cao, tính đến ngày 30/6/2025 tổng nợ thuế toàn tỉnh là: 2.037 tỷ đồng²⁵. Giải ngân vốn đầu tư công là 3.717,45 tỷ đồng, chỉ đạt 38,4% KH, trong đó giải ngân vốn ngân sách Trung ương đạt thấp²⁶.

Để hoàn thành nhiệm vụ thu NSNN trên địa bàn, chi NSDP năm 2025, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất với nhóm nhiệm vụ, giải pháp do UBND tỉnh trình tại kỳ họp; đồng thời đề nghị UBND tỉnh quan tâm thêm một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Phân đầu hoàn thành và vượt kế hoạch về dự toán thu NS. Cần tập trung triển khai đồng bộ, hiệu quả các biện pháp, giải pháp về quản lý, điều hành, đôn đốc thu ngân sách nhà nước. Tăng cường khai thác các khoản thu có tỷ trọng lớn; đẩy mạnh các giải pháp thu đối với các nguồn thu bền vững, lâu dài như thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, thu từ xuất nhập khẩu. Tiếp tục khai thác các khoản thu đang tăng trưởng như thu ngoài quốc doanh, thuế TNCN, thu tiền thuê đất... Có các giải pháp hiệu quả hơn để giải quyết khó khăn, vướng mắc trong xác định giá đất. Tiếp tục triển khai đồng bộ các biện pháp chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ thuế.

- Đối với khoản thu tiền sử dụng đất, dự báo trong thời gian tới, thu đấu giá QSD đất khu vực phía Nam Quảng Trị tiếp tục gặp nhiều khó khăn, không đạt dự toán giao, vì vậy cần có các giải pháp khắc phục để tập trung khai thác, tăng thu từ các khu vực khác để bù đắp phần hụt thu nêu trên; đồng thời, tích cực tháo gỡ, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án phát triển quỹ đất, dự án khu nhà ở thương mại, khu đô thị đã được phê duyệt chủ trương đầu tư để tăng thu, đảm bảo thu tiền sử dụng đất đạt và vượt KH giao.

- Về thực hiện dự toán chi ngân sách: Thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công, trong đó: Chú trọng tiến độ giải ngân vốn ngân sách Trung ương, vốn kéo dài từ năm 2024 chuyển sang 2025; tập trung chỉ đạo giải ngân vốn các chương trình MTQG, nhất là nguồn vốn sự nghiệp. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn theo dõi sát tiến độ triển khai các dự án đầu tư trên địa bàn, chủ động hướng dẫn thực hiện cắt giảm, điều chuyển kế hoạch

(140,2%), thu phí lệ phí (107,9%), thu khác ngân sách (101%), thu tiền cấp quyền KTKS (110,6%).

²⁴ là thu thuế BVMT (32,6%), thu thuế sử dụng đất PNN (47,9%) và thu XSKT (47,7%).

²⁵ bằng 82,9% so với thời điểm 31/12/2024. Trong đó nợ khó thu (không có khả năng thu): 88,5 tỷ đồng, chiếm 4% trên tổng số thuế nợ, tăng 7 tỷ đồng và bằng 108,6% so với thời điểm 31/12/2024; nợ có khả năng thu là 1.948 tỷ đồng, chiếm 96 % trên tổng số thuế nợ, giảm 427 tỷ đồng và bằng 82% so với thời điểm 31/12/2024.

²⁶ Cụ thể: Quảng Trị (trước sắp xếp): giải ngân 1.401,912 tỷ đồng, đạt 27% kế hoạch HĐND tỉnh giao. (Trong đó: Vốn ngân sách địa phương: 617,002 tỷ đồng, đạt 40% kế hoạch; vốn ngân sách trung ương: 605,241 tỷ đồng, đạt 23,8%; tăng thu ngân sách trung ương: 8,533 tỷ đồng, đạt 2%; Chương trình MTQG: 171,136 tỷ đồng, đạt 45,2%). Tỉnh Quảng Bình (trước sắp xếp): Giải ngân 2.315,538 tỷ đồng, đạt 51,5% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, HĐND tỉnh giao. (Trong đó: vốn ngân sách địa phương: 1.705,501 tỷ đồng, đạt 60,4%; vốn ngân sách trung ương: 370,199 tỷ đồng, đạt 29%; Chương trình MTQG: 239,838 tỷ đồng, đạt 61,1%).

vốn đối với các dự án chậm tiến độ sang dự án thực hiện tốt; đơn đốc đẩy nhanh các thủ tục CBĐT, tiến độ đấu thầu, công tác bồi thường GPMB dự án.

- Tập trung rà soát, sắp xếp, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài sản công sau sắp xếp. Giải quyết dứt điểm tài sản công đã rà soát, không còn nhu cầu sử dụng để bán đấu giá, tăng thu ngân sách.

Phần 2. Các tờ trình và nghị quyết

I. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp (Tờ trình số 363/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Hợp nhất kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp

a) Căn cứ pháp lý: Về đề nghị HĐND tỉnh thông qua hợp nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 59, khoản 7 Điều 60, khoản 2 Điều 72, khoản 3 điều 88 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Cơ sở thực tiễn: Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH ngày 12/6/2025 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó hợp nhất tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành tỉnh Quảng Trị, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm của tỉnh sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương.

c) Thẩm quyền: Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 7 Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính²⁷.

d) Nội dung: Qua rà soát, đối chiếu số liệu 2 tỉnh trước sáp nhập và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua hợp nhất Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp kèm phụ chi tiết theo đề nghị của UBND tỉnh tại Tờ trình số 363/TTr-UBND ngày 04/8/2025 như sau:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và hàng năm tỉnh Quảng Trị

²⁷ “4. Thẩm quyền quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm:

a. Đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 theo quy định tại khoản 9 Điều 59, khoản 7 Điều 60, khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi sắp xếp tiếp nhận toàn bộ kế hoạch đầu tư công của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi sắp xếp.

sau sắp xếp²⁸, với số tiền: 42.343,200 tỷ đồng, trong đó: Vốn Ngân sách tỉnh: 22.354,436 tỷ đồng; vốn ngân sách Trung ương: 16.403,524 tỷ đồng; vốn Chương trình phục hồi: 514 tỷ đồng; vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 3.071,240 tỷ đồng. Danh mục chi tiết theo đề nghị của UBND tỉnh

- Kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 9.820,103 tỷ đồng, trong đó: Vốn Ngân sách tỉnh: 4.772,264 tỷ đồng; vốn ngân sách Trung ương: 4.251,101 tỷ đồng; vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 796,738 tỷ đồng.

- Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp, với số tiền: 1.315.016,709 triệu đồng bao gồm: Vốn Ngân sách tỉnh: 775.311,138 triệu đồng; vốn ngân sách Trung ương: 278.448,758 triệu đồng; vốn Chương trình phục hồi kinh tế xã hội: 70.000 triệu đồng; vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 191.256,813 triệu đồng.

e) Kiến nghị: Đề nghị UBND tỉnh rà soát, đánh giá kỹ các nguồn vốn đã phân bổ cho từng công trình, dự án và khả năng hoàn thành của từng công trình, dự án trong kế hoạch trung hạn 2021-2025 và năm 2025 để điều chỉnh theo thẩm quyền và chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch giải ngân các nguồn vốn theo kế hoạch cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến danh mục công trình, dự án và nguồn vốn chuyển tiếp sang giai đoạn trung hạn 2026-2030.

2. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025

Việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 71 Luật Đầu tư công²⁹, các văn bản hướng dẫn hiện hành và tình hình thực tiễn của địa phương. Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua các nội dung điều chỉnh theo đề nghị của UBND tỉnh như sau:

a) Nguồn vốn cân đối theo tiêu chí

Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 của 03 nhiệm vụ 11.194 triệu đồng gồm: Ưu đãi đầu tư: Giảm 5.000

²⁸ Căn cứ điểm a, Khoản 4, Điều 7 Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương theo mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính quy định:

“4. Thẩm quyền quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm:

a. Đối với Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2025 và Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2024 được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang kế hoạch năm 2025 theo quy định tại khoản 9 Điều 59, khoản 7 Điều 60, khoản 2 Điều 72 Luật Đầu tư công; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương sau khi sắp xếp tiếp nhận toàn bộ kế hoạch đầu tư công của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trước khi sắp xếp.

²⁹ “... 7. Hội đồng nhân dân các cấp điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm vốn ngân sách địa phương trong các trường hợp sau đây: a) Do điều chỉnh mục tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; b) Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương;

triệu đồng; Quyết toán công trình: Giảm 3.000 triệu đồng; Chuẩn bị đầu tư: Giảm 3.194 triệu đồng để bổ sung cho dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa (hiện nay thuộc địa bàn xã Lìa và xã A Dơi) là 11.194 triệu đồng³⁰.

b) Nguồn thu đầu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng

Kế hoạch đầu tư công nguồn thu đầu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng được HĐND tỉnh điều chỉnh tại Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 812.936 triệu đồng và kế hoạch 2025 là 193.819 tỷ đồng;

Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất ở giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn năm 2025 là 13.169 triệu đồng để có cơ sở bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh cân đối theo tiêu chí cho dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa³¹.

Kế hoạch đầu tư công nguồn thu đầu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh còn 799.767 triệu đồng và kế hoạch 2025 còn 180.650 tỷ đồng.

c) Như vậy, sau khi điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025 nguồn vốn ngân sách địa phương như sau:

**** Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 là 42.330,031 tỷ đồng, trong đó:***

- Vốn Ngân sách tỉnh: 22.341, 267 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách Trung ương: 16.403,524 tỷ đồng.
- Vốn Chương trình phục hồi: 514 tỷ đồng.
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 3.071,240 tỷ đồng.

**** Kế hoạch đầu tư công năm 2025 là 9.806,934 tỷ đồng:***

- Vốn Ngân sách tỉnh: 4.759,095 tỷ đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 4.251,101 tỷ đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 796,738 tỷ đồng

**** Kế hoạch đầu tư công năm 2024 kéo dài sang năm 2025 là 1.315.016,709 triệu đồng bao gồm:***

³⁰ Dự án được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 15/4/2022 với tổng mức đầu tư 26.800 triệu đồng, trong đó: ngân sách tỉnh 21.800 triệu đồng và kinh phí bảo trì đường bộ 5.000 triệu đồng. Lũy kế vốn bố trí cho dự án đến nay là 26.800 triệu đồng, trong đó kế hoạch 2025 từ nguồn thu từ đầu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng là 11.194 triệu đồng chưa có nguồn để nhập Tabmis.

³¹ Tỷ lệ giảm theo quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quỹ đất tỉnh Quảng Trị; cụ thể: Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 8.326,613 triệu đồng và kế hoạch 2025 là 1.975 triệu đồng, (tương ứng 15% trong tổng số vốn giảm). Các công trình phát triển quỹ đất và KTXH khác: Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch 2025 là 11.194 triệu đồng của dự án Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa, (tương ứng 85% trong tổng số vốn giảm).

- Vốn Ngân sách tỉnh: 775.311,138 triệu đồng
- Vốn ngân sách Trung ương: 278.448,758 triệu đồng
- Chương trình phục hồi kinh tế xã hội: 70.000 triệu đồng
- Vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 191.256,813 triệu đồng.

3. Nhận định khả năng hoàn thành kế hoạch phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn ngân sách nhà nước năm 2025 và giai đoạn 5 năm 2021-2025.

Tổng số vốn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 tất cả các nguồn là 42.343, 200 tỷ đồng. Trên cơ sở kết quả đạt được trong giai đoạn 2021-2024 và dự ước khả năng thực hiện năm 2025, ngoài sự hỗ trợ từ NSTW, đề nghị UBND tỉnh cố gắng huy động các nguồn lực để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao và HĐND tỉnh, huyện, xã quyết nghị. Bên cạnh đó, Sở Tài chính sẽ tham mưu UBND tỉnh đôn đốc đẩy nhanh tiến độ các dự án, phân đấu hoàn thành các dự án theo tiến độ vốn được bố trí. Tuy nhiên, hiện nay tỉnh Quảng Trị vừa được Thủ tướng Chính phủ quan tâm, bổ sung thêm vốn năm 2025 cho dự án Đường ven biển và Cầu Nhật Lệ 3 và dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn tại Quyết định số 1566/QĐ-TTg ngày 19/7/2025 với tổng số vốn cho cả 2 dự án là 2.580 tỷ đồng, bằng 21,6% số vốn được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh³². Trong điều kiện Thủ tướng Chính phủ giao vốn muộn, lại sắp đến mùa mưa lũ, dự án Quốc lộ 15D đoạn từ Cảng Mỹ Thủy đến cao tốc Cam Lộ - La Sơn chưa hoàn thiện thủ tục đầu tư, vì vậy chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn của từng dự án, đồng thời sẽ tác động lớn đến mục tiêu giải ngân của toàn tỉnh, cần sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và sự nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành, của chủ đầu tư để có thể giải ngân cao nhất số vốn được Thủ tướng Chính phủ giao.

II. Nghị quyết về cho ý kiến thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 - 2030 (Tờ trình số 450/TTr-UBND ngày 11/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý

Việc đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến thông qua dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 - 2030 phù hợp với Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15; Luật ngân sách nhà nước và luật Tổ chức Chính quyền địa phương; Nghị quyết 70/2025/UBNTQH15 ngày 07/02/2025 của UBTVQH về Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030 và các văn bản hướng dẫn hiện hành. Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công³³ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

³² Tổng số vốn tỉnh được giao bao gồm cả số vốn này là 11.955 tỷ đồng

³³ “4. Căn cứ quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

2. Cơ sở thực tiễn

Căn cứ quy định của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Tài chính³⁴, UBND tỉnh Quảng Bình (cũ) và UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) đã báo cáo Bộ Tài chính dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2026-2030 của tỉnh³⁵. Sau hợp nhất thành tỉnh Quảng Trị (mới), công tác sắp xếp tổ chức bộ máy đã hoàn thành và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025; Bộ Tài chính đã có Văn bản số 8536/BTC-TH ngày 17/6/2025 về việc thông báo mức vốn đầu tư công dự kiến nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026-2030.

3. Nguyên tắc

Việc UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 là dựa trên nhu cầu được tổng hợp từ các ngành, lĩnh vực và 78 xã, phường, đặc khu; đã tích hợp các công trình, dự án được HĐND tỉnh Quảng Trị trước sáp nhập cho ý kiến (*Nghị quyết số 67/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 nguồn vốn ngân sách nhà nước*); đã được BTV Tỉnh ủy cho ý kiến thống nhất; sau khi HĐND tỉnh cho ý kiến bằng Nghị quyết, UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Nội dung

Căn cứ quy định quy định tại khoản 15, Điều 7, Luật số 90/2025/QH15 (bổ sung điều 36 của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15)³⁶ và số vốn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh Quảng Trị (sau hợp nhất) là **12.420,165 tỷ đồng** (trong đó Quảng Bình (cũ) là 6.081,997 tỷ đồng, Quảng Trị (cũ) là 6.338,168 tỷ đồng. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 (nguồn ngân sách Trung ương) do UBND tỉnh trình xin ý kiến HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 2 với tổng số vốn nhu cầu là **40.311,651 tỷ đồng, cụ thể:**

-
- a) Hướng dẫn cho các cơ quan, đơn vị ở địa phương lập nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;
 - b) Giao cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư công cấp tỉnh tổng hợp nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn cấp tỉnh giai đoạn sau chi tiết theo từng nguồn vốn, mức vốn cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho ý kiến về nhu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau;

³⁴ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

³⁵ Tại văn bản số 396/UBND-TH ngày 14/3/2025 của tỉnh Quảng Bình (cũ) và Báo cáo số 277/BC-UBND ngày 30/10/2024 của tỉnh Quảng Trị (cũ).

³⁶ “Bộ, cơ quan trung ương và địa phương được chủ động chuẩn bị đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án thực hiện trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn sau. Hạn mức để thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các chương trình, dự án không vượt quá hai lần mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn hiện tại đã được giao theo từng nguồn vốn cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương”.

(1) Vốn trong nước: Tổng số vốn NSTW trong nước dự kiến trình Hội đồng dân dân tỉnh cho ý kiến lần này là 36.689,856 tỷ đồng, trong đó số vốn theo ngành lĩnh vực là 29.988,265 tỷ đồng, gấp 2,4 lần so với số vốn được giao của giai đoạn 2021-2025.

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 và đối ứng ODA: 570,217 tỷ đồng, gồm:

+ Các dự án chuyển tiếp thuộc các ngành, lĩnh vực: 394,265 tỷ đồng.

+ Đối ứng các dự án ODA: 175,952 tỷ đồng.

- Bố trí cho các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên vùng: 6.060 tỷ đồng;

- Bố trí cho các dự án dự kiến khởi công mới giai đoạn năm 2026-2030: 30.059,639 tỷ đồng.

+ Các dự án thuộc các ngành, lĩnh vực: 29.594 tỷ đồng.

+ Đối ứng các dự án ODA: 465,639 tỷ đồng.

(2) Vốn nước ngoài: Tổng số vốn NSTW (vốn nước ngoài) dự kiến giai đoạn 2026-2030 là 3.621,795 tỷ đồng.

- Bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030: 1.201,404 tỷ đồng.

- Bố trí cho các dự án khởi công mới giai đoạn 2026-2030: 2.420,391 tỷ đồng.

Như vậy, dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2026 - 2030 đã vượt 2,4 lần so với kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSTW trong nước giai đoạn 2021-2025 của tỉnh (sau hợp nhất) đã được Thủ tướng Chính phủ giao (đã trừ nhu cầu dự án trọng điểm liên vùng và đối ứng ODA). Trong lúc đó, theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết số 70/2025/QH15 quy định số vốn bố trí cho dự án kết nối có tác động liên vùng, dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững nằm ở dòng vốn khác, ngoài dòng vốn của ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương theo ngành, lĩnh vực (*chưa có dự kiến*); đối với nhu cầu nguồn vốn nước ngoài (ODA), trình HĐND tỉnh cho ý kiến tại kỳ họp này là nhu cầu của các dự án đã có văn bản của UBND tỉnh đề xuất với nhà tài trợ hoặc với các Bộ ngành Trung ương hoặc đã lập hồ sơ đề xuất dự án, đăng ký làm việc với nhà tài trợ và các Bộ ngành trung ương và *trong quá trình vận động, triển khai dự án ODA theo quy chế riêng nên không áp dụng hạn mức vốn đối với các dự án ODA.*

5. Kiến nghị HĐND tỉnh

Từ những nội dung nêu trên, Ban Kinh tế - Ngân sách xác định: Nhu cầu nguồn vốn để đầu tư kết cấu hạ tầng, đầu tư phát triển các ngành lĩnh vực và các xã, phường và đặc khu là rất lớn; UBND tỉnh đã tổng hợp, xác định tổng nhu cầu, danh mục các công trình dự án; được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến thống nhất. *Trong quá trình triển khai thực hiện, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo đảm bảo nguyên tắc cân đối giữa các ngành, lĩnh vực, vùng miền; tập trung*

nguồn lực để triển khai những nhiệm vụ, dự án quan trọng, có tính chiến lược, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại theo định hướng phân bổ do UBND tỉnh trình tại kỳ họp, đồng thời đề nghị bổ sung thêm:

- Ưu tiên bố trí vốn để xây dựng trụ sở cấp xã ở những nơi chưa đảm bảo đủ chỗ làm việc cho cán bộ, công chức và người lao động theo quy định, phần còn thiếu đề nghị cân đối bố trí từ nguồn vốn ngân sách tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia và huy động các nguồn vốn khác.

- Tranh thủ tối đa các nguồn vốn trung ương chưa phân bổ để xin bố trí cho các công trình dự án lớn, mang tính kết nối, liên kết vùng, dự án động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

III. Danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đợt 1) năm 2025 (Tờ trình số 454/TTr-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền

Việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (đợt 1) năm 2025 phù hợp với các quy định của pháp luật, các văn bản hướng dẫn hiện hành. UBND tỉnh giao Sở Tài chính có văn bản lấy ý kiến các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã đề xuất danh mục các khu đất (trước thời điểm 30/6/2026); trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các đơn vị; ý kiến tham gia của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Công an tỉnh tham gia đã được cơ quan soạn thảo tổng hợp, tiếp thu và hoàn thiện. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại điểm a³⁷, khoản 1, điểm b³⁸ khoản 1 và khoản 4³⁹ Điều 126 Luật Đất đai 2024 và điểm i⁴⁰ khoản 2, điểm b⁴¹ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16/9/2024 của Chính phủ, là điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo điểm a và điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai 2024 và triển khai các thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư, tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu và quy định pháp luật có liên quan.

³⁷. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: a) Dự án được quy định tại khoản 27 Điều 79 của Luật này được HĐND cấp tỉnh quyết định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất. HĐND cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

³⁸. Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất tại Điều 79 của Luật này và không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này mà thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

³⁹. DA đầu tư có sử dụng đất quy định tại điểm b khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện để đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư quy định tại khoản 3 Điều này và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực;

⁴⁰. Dự án đầu tư xây dựng công trình năng lượng thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật về điện lực khi có từ 02 nhà đầu tư quan tâm cùng đăng ký thực hiện

⁴¹. Thuộc danh mục các khu đất thực hiện đấu thầu dự án đầu tư có sử dụng đất được HĐND cấp tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Nội dung

a) **Danh mục 09 khu đất đề xuất đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (gồm: 06 khu đất thực hiện các dự án điện gió: (1) Điện gió Ngự Thủy Bắc Tân Hoàn Cầu; (2) Nhà máy điện gió Thái Dương 1; (3) Cụm Nhà máy điện gió Hải Ninh; (4) Nhà máy Điện gió HalCom Hồng Đức; (5) Nhà máy điện gió Phúc Lộc Thọ; (6) Nhà máy điện gió Quảng Bình 1; 03 khu đất thực hiện Nhà máy điện mặt trời: (1) Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 1; (2) Nhà máy điện mặt trời Quảng Bình 2; (3) Dự án điện mặt trời tích hợp hệ thống pin lưu trữ 240MWh Quảng Bình)** thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực theo điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai 2024; khoản 1 Điều 19 Luật Điện lực; khoản 3 Điều 2 Luật Đấu thầu năm 2023 và thuộc trường hợp đấu thầu dự án có sử dụng đất theo quy định tại điểm i, Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. Qua rà soát các dự án đã phù hợp với kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1682/QĐ-TTg ngày 28/12/2024 về phê duyệt, cập nhật kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050; Bộ Công thương phê duyệt tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 về phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 điều chỉnh và quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025.

b) **Đối với khu đất thực hiện dự án thể thao:** Đối với các dự án phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai 2024, điểm e Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 115/2024/NĐ-CP, mục 7 Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

3. Kiến nghị HĐND tỉnh

Đây là các dự án tỉnh đang quan tâm kêu gọi, xúc tiến đầu tư, sau khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị UBND tỉnh tập trung chỉ đạo tích hợp, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp xã và các quy hoạch khác; Đồng thời rà soát cụ thể các dự án có sử dụng đất khu đất đảm bảo phù hợp với chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; không ảnh hưởng công tác phòng thủ bờ biển, thao trường bắn biển, chiều cao tính không; phù hợp Luật hàng hải, phân luồng hàng hải; luật Biên phòng, đảm bảo tuần tra biên giới; không chồng lấn với các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư hoặc phê duyệt quy hoạch; phải có tọa độ xác định rõ các khu vực giáp ranh các khu đất dự kiến triển khai dự án... trước khi làm các thủ tục tiếp theo, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

IV. Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 07/8/2025 của Thường trực HĐND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị đảm bảo phù hợp và đúng thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025⁴²; Luật NSNN năm 2015⁴³; Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025⁴⁴; phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội; khoản 3 điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND⁴⁵; Quyết định số 32/QĐ-VPQH ngày 19/01/2022 của Văn phòng Quốc hội về việc điều chỉnh một số định mức chi trong Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội; Công văn số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước khi sáp nhập tỉnh, chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Bình (cũ) được áp dụng theo Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình; Chế độ chi tiêu phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Trị (cũ) được áp dụng theo Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 22/05/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Từ ngày 01/7/2025, bộ máy tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, HĐND tỉnh Quảng Trị, nhiệm kỳ 2021 - 2026 được thành lập trên cơ sở hợp nhất HĐND tỉnh Quảng Bình (cũ) và HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ); tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 có quy định về việc áp dụng chế độ, định mức đặc thù bảo đảm hoạt động của Hội đồng

⁴² Tại điểm c, khoản 1, Điều 15 quy định: HĐND cấp tỉnh quyết định các chế độ chi NS đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật NSNN. Tại điểm c, khoản 3, Điều 15 quy định: HĐND cấp tỉnh quy định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NSĐP và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về NSNN.

⁴³ Tại điểm h, khoản 9, Điều 30 quy định: HĐND các cấp quyết định các chế độ chi NS đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi NS do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành... đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSĐP.

⁴⁴ Tại Điểm a, khoản 1, Điều 21: HĐND cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điểm, khoản, điều và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

⁴⁵ . Tại khoản 3, Điều 4 của Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 quy định: ‘Đại biểu HĐND được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phí; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do HĐND cấp tỉnh quyết định’

nhân dân các cấp tỉnh “*Áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 22/5/2017 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị kể từ ngày 01/7/2025 cho đến khi có quy định mới thay thế*”. Việc xây dựng Nghị quyết mới Quy định một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Trị nhằm rà soát, tích hợp và hoàn thiện lại quy định của 02 tỉnh (cũ) trước sắp xếp; đảm bảo đầy đủ chế độ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Trị (mới).

3. Nguyên tắc

Nghị quyết xây dựng trên nguyên tắc có sự kế thừa, tích hợp trên cơ sở Nghị quyết chi tiêu của HĐND 02 tỉnh cũ, có tính đến mức chi đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi, khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đặc thù hoạt động của HĐND các cấp hiện nay. Đối với cấp tỉnh: Tích hợp định mức chi của tỉnh cũ cao hơn. Đối với cấp xã, phường, đặc khu: Áp dụng bình quân mức chi giữa cấp huyện và cấp xã (cũ); một số định mức cấp xã lấy theo định mức cấp huyện (cũ) đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế; bỏ quy định hỗ trợ hoạt động các chức danh do HĐND bầu tính theo tháng theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

4. Nội dung nghị quyết

Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng, nội dung, mức chi phù hợp với các quy định hiện hành, đã tổ chức lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến của các ngành, địa phương (78 xã, phường, đặc khu); có văn bản đảm bảo cân đối nguồn lực của Sở Tài chính và thống nhất của UBND tỉnh. Nghị quyết quy định nội dung chi, định mức chi hoạt động của HĐND 2 cấp trên địa bàn tỉnh có 10 nội dung chính gồm: (1) Xây dựng và hoàn thiện nghị quyết, báo cáo phục vụ tại kỳ họp HĐND; (2) Các chế độ tại kỳ họp HĐND; (3) Chi phục vụ hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và Văn phòng; (4) Chi cho công tác giám sát, khảo sát của Thường trực HĐND, các Ban HĐND; (5) Chi hoạt động tiếp xúc cử tri; (6) Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo; (7) Một số điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND; (8) Tặng kỷ niệm chương; (9) Chi tổng kết nhiệm kỳ; (10) Một số chế độ chi khác đảm bảo hoạt động của HĐND. Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Tờ trình số 71/TTr-TTHĐND ngày 07/8/2025 trình tại kỳ họp.

V. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp đơn vị hành chính (Tờ trình số 370/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý

Việc UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp đơn vị hành chính phù hợp

với Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật NSNN; Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp ĐVHC cấp xã của tỉnh Quảng Trị năm 2025; Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 27/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 25/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh dự toán NSTW phân bổ cho các Bộ, cơ quan trung ương sau sắp xếp và bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho địa phương năm 2025.

2. Nguyên tắc xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Quảng Trị năm 2025 sau sắp xếp như sau:

- Tổng hợp nguyên trạng từ dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương được HĐND tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị trước sắp xếp tại các Nghị quyết của HĐND 2 tỉnh cũ⁴⁶.

- Quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương tiếp tục áp dụng theo Nghị quyết của 02 tỉnh cũ⁴⁷. Đối với nhiệm vụ chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phân cấp cho ngân sách cấp xã thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

- Dự toán đã phân bổ cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và các nhiệm vụ chi được tổng hợp nguyên trạng theo từng đơn vị, từng địa phương và nhiệm vụ chi.

- Xác định dự toán ngân sách các cấp khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp: Kế thừa nguyên tắc tại Nghị quyết điều chỉnh dự toán của 02 tỉnh cũ⁴⁸. Bao gồm một số điểm chính như sau: Toàn bộ dự toán thu của ngân sách cấp huyện thực hiện đến ngày 30/6/2025 điều chỉnh cho ngân sách cấp tỉnh. Nhiệm vụ chi

⁴⁶ Nghị quyết số 93/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 11/12/2024 của HĐND tỉnh Quảng Bình về thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương năm 2025; Nghị quyết số 16/NQ-HĐND ngày 04/04/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ vốn sự nghiệp NSTW năm 2025 thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững; Nghị quyết số 248/NQ-HĐND ngày 25/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình về phân bổ vốn sự nghiệp NSTW và đối ứng NSĐP năm 2025 thực hiện CTMQG GNBV và CTMTQG PTKTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi; Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về phân bổ vốn sự nghiệp NSTW năm 2025 thực hiện CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi.

⁴⁷ Nghị quyết số 96/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên các địa bàn tỉnh Quảng Bình năm 2025; Nghị quyết số 37/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ % phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương trên các địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2025 trên 02 địa bàn.

⁴⁸ (Nghị quyết số 257/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình về việc điều chỉnh dự toán thu, chi NSĐP sau sắp xếp tổ chức lại đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc điều chỉnh, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2025)

đầu tư công do ngân sách cấp huyện quản lý chuyển cho cấp tỉnh quản lý, nhiệm vụ chi thường xuyên cho giáo dục, dạy nghề; dịch vụ nông nghiệp, ban quản lý rừng phòng hộ (đối với tỉnh Quảng Bình cũ) chuyển cho tỉnh quản lý, các nhiệm vụ chi khác chuyển giao cho cấp xã thực hiện.

3. Nội dung: Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 tỉnh Quảng Trị sau sắp xếp đơn vị hành chính với các số liệu chính như sau:

a) Về dự toán thu NSNN: Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 11.902,255 tỷ đồng, trong đó: Thu nội địa: 9.338 tỷ đồng⁴⁹; Thu xuất nhập khẩu: 2.550 tỷ đồng; Thu từ nguồn viện trợ: 14,255 tỷ đồng.

b, Tổng thu ngân sách địa phương: 29.507,692 tỷ đồng, trong đó: Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp: 8.770,950 tỷ đồng; Bổ sung từ ngân sách Trung ương: 19.979,267 tỷ đồng; Thu chuyển nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ, chính sách năm trước chuyển sang: 743,22 tỷ đồng; Thu từ nguồn viện trợ: 14,255 tỷ đồng.

b) Tổng chi ngân sách địa phương: Tổng chi NSDP 29.916,692 tỷ đồng. Trong đó: chi đầu tư phát triển: 5.023,904 tỷ đồng; chi thường xuyên 19.064,338 tỷ đồng; chi trả nợ các khoản do chính quyền địa phương vay 71,933 tỷ đồng; chi trả nợ gốc vay 121,9 tỷ đồng; chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 2 tỷ đồng; dự phòng ngân sách 533,769 tỷ đồng; chi các CTMT 5.173,323 tỷ đồng; chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương 32,961 tỷ đồng.

d) Cân đối NSDP

- Tổng thu ngân sách địa phương: 29.507,692 tỷ đồng,
- Tổng chi NSDP 29.916,692 tỷ đồng.
- Bội chi NSDP: 409 tỷ đồng.

e) Tổng mức vay NSDP: 437 tỷ, trong đó: vay bù đắp bội chi: 409 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc: 28 tỷ đồng.

4. Kiến nghị HĐND tỉnh

Trong quá trình điều hành, triển khai thực hiện ngân sách trong 6 tháng cuối năm 2025 và chuẩn bị xây dựng dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026 đề nghị UBND tỉnh lưu ý một số nội dung sau:

- Chỉ đạo Sở Tài chính có hướng dẫn trong việc thực hiện định mức, nguyên tắc quản lý, sử dụng ngân sách đảm bảo có tính tương đồng trong cùng một đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh sau sáp nhập (do định mức giữa các đơn vị trước sáp nhập khác nhau). Bố trí nguồn lực để cấp xã thực hiện việc xác định giá đất nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trên địa bàn. Quản lý, sử dụng nguồn dự phòng ngân sách phù hợp để đảm bảo cho các nhiệm vụ chi trong các tháng còn lại của

⁴⁹ Trong đó thu tiền SDD: 3.680 tỷ đồng, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết 140 tỷ đồng, thu hồi vốn, thu cổ tức 10 tỷ đồng

năm 2025, đặc biệt nhiệm vụ chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trước mùa mưa bão sắp tới. Rà soát cơ chế tài chính đối với nguồn thu từ đấu giá QSD đất do quy định khác nhau giữa 02 tỉnh cũ⁵⁰, cần xác định cơ chế trước mắt để tiếp tục triển khai thực hiện đối với các dự án chuyển tiếp và đang triển khai thực hiện, tránh bị động trong triển khai thực hiện; đồng thời, rà soát, nghiên cứu cơ chế phù hợp đối với nguồn thu từ đấu giá QSD đất để áp dụng trong dài hạn. Quá trình triển khai xây dựng dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi NSDP; xây dựng nguyên tắc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương cần đảm bảo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15, các quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp khoảng cách, vùng miền trên địa bàn tỉnh.

- Tại kỳ họp này có điều chỉnh Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 và năm 2025. Vì vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính điều chỉnh dự toán ngân sách nhằm đảm bảo cân đối ngân sách trong năm 2025 sau khi việc điều chỉnh được HĐND tỉnh thông qua.

VI. Quyết định mức vốn điều lệ ban đầu cho Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 371/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Việc UBND tỉnh HĐND tỉnh ban hành nghị quyết quyết định mức vốn điều lệ ban đầu cho Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị phù hợp các quy định của pháp luật và văn bản hướng dẫn hiện hành. Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại điểm a⁵¹, khoản 1, Điều 13; khoản 2⁵² Điều 26 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ Quy định về Quỹ phát triển đất.

2. Căn cứ thực tiễn

Sau khi tỉnh Quảng Trị (mới) được thành lập kể từ ngày 01/7/2025, việc tiến hành hợp nhất Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình với Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị (cũ) thành Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị (mới) là rất cần thiết.

3. Nội dung

⁵⁰ (Tại tỉnh Quảng Trị (cũ), HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 quy định cụ thể tỷ lệ phân bổ nguồn vốn kế hoạch hằng năm đối với nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất cho các dự án tạo quỹ đất, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công; tỉnh Quảng Bình không có quy định phân bổ nguồn thu này, các nhiệm vụ liên quan đến dự án tạo quỹ đất được ứng từ Quỹ Phát triển đất của tỉnh và không đưa vào kế hoạch đầu tư công),

⁵¹ “Vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất được cấp từ nguồn chi đầu tư phát triển của ngân sách địa phương và cấp từ nguồn chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ phát triển đất sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất”; Tại khoản 2 Điều 26 quy định về trách nhiệm của HĐND cấp tỉnh: “Quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định này”.

⁵² HĐND tỉnh “Quyết định mức vốn điều lệ ban đầu, vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Nghị định này”.

Qua thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách nhận thấy: Trước hợp nhất, HĐND tỉnh Quảng Bình đã ban hành Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 19/02/2025, quyết định mức vốn điều lệ ban đầu cho Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Bình là 1.000.000.000.000 đồng (*Một nghìn tỷ đồng*); nguồn vốn hoạt động của Quỹ Phát triển đất tỉnh Quảng Trị (cũ) là 604.850.174.805 đồng⁵³ và Quỹ Phát triển tỉnh Quảng Trị (cũ) chưa được cấp có thẩm quyền quyết định mức vốn điều lệ ban đầu. Như vậy, sau hợp nhất đến nay, tổng nguồn vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị (mới) là 1.604.850.174.805 đồng; nhằm xác định rõ mức vốn điều lệ ban đầu của Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị (mới) theo đúng quy định của Chính phủ, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh Quyết định mức vốn điều lệ ban đầu cho Quỹ phát triển đất tỉnh Quảng Trị (mới) với tổng số tiền là 1.604.850.174.805 đồng (*Một nghìn sáu trăm lẻ bốn tỷ, tám trăm năm mươi triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm lẻ năm đồng*), đồng thời bãi bỏ Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 19/02/2025 của HĐND tỉnh Quảng Bình.

VII. Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 403/TTr-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phù hợp quy định của pháp luật và các bản bản hướng dẫn hiện hành. Đúng thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm h⁵⁴, khoản 9 Điều 30 Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13; khoản 3⁵⁵ Điều 9 Nghị định số 09/2025/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ Quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật; khoản 3⁵⁶, Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương. Dự thảo nghị quyết được xây dựng theo theo trình tự rút gọn; đảm bảo thời gian đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương; được Sở Tư pháp thẩm định theo quy định và đã được cơ quan

⁵³ Gồm: Nguồn vốn hoạt động của Quỹ là 558.302.271.805 đồng; và nguồn vốn bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ tại Nghị quyết số 166a/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) là: 46.547.903.000 đồng.

⁵⁴ Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền “Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

⁵⁵ “3. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, các nguồn tài chính hợp pháp khác, đặc điểm sản xuất và thực tế tại địa phương, quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương và pháp luật về ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

⁵⁶ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.

soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện, đủ điều kiện để trình HĐND tỉnh.

2. Nội dung

Qua rà soát nguyên tắc, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ và nguồn lực đảm bảo; ý kiến kết luận tại phiên họp Thường trực HĐND tỉnh lần thứ 3 ngày 08/08/2025, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo đề nghị của UBND tỉnh trình tại kỳ họp.

VIII. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành quy định về thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) (Tờ trình số 346/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh cử ban hành trên địa bàn tỉnh (mới); trong điều kiện sau sáp nhập là phù hợp với các quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 20 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

2. Nội dung

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc áp dụng Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình quy định về thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, làm cơ sở thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới). Mặt khác, trước khi nhập tỉnh, nội dung này cũng đã được UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) trình Thường trực HĐND tỉnh tại Tờ trình số 100/TTr-UBND ngày 09/6/2025 nhưng chưa được thông qua. Các nội dung về thẩm quyền trong dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh Quảng Trị (cũ) tương đồng với thẩm quyền quyết định thanh lý rừng trồng thuộc sở hữu toàn dân trên địa bàn tỉnh Quảng Bình tại Nghị quyết số 100/2025/NQ-HĐND.

Sau khi thẩm tra, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua nội dung Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết như đề nghị của UBND tỉnh. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng rà soát các nghị quyết QPPL của HĐND tỉnh thuộc lĩnh vực phụ trách trình HĐND tỉnh quyết định việc cho tiếp tục áp dụng hoặc bãi bỏ kịp thời theo ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 28/HĐND-CTHĐND ngày 17/7/2025.

IX. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) (Tờ trình số 407/TTr-UBND ngày 06/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, thẩm quyền

Trước khi sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, việc phân cấp áp dụng thẩm quyền về quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn 2 tỉnh do HĐND 2 tỉnh ban hành tại Nghị quyết số 36/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình và Nghị quyết số 123/2024/HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Tại Kỳ họp lần này, UBND tỉnh trình HĐND tỉnh cho áp dụng Nghị quyết số 123/2024/HĐND ngày 06/12/2024 do Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị (mới) để thống nhất trong áp dụng trên địa bàn tỉnh (sau sáp nhập) đảm bảo phù hợp với cơ sở pháp lý và thẩm quyền của HĐND tỉnh được quy định tại điểm b⁵⁷ khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20⁵⁸ Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025); được cụ thể hóa tại khoản 3⁵⁹ Điều 112 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý sử dụng tài sản công (Điều khoản chuyển tiếp) quy định về áp dụng Văn bản pháp luật của HĐND tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công của địa phương được giữ tên sau sáp nhập, hợp nhất trong giai đoạn chưa ban hành văn bản mới để thay thế nhằm áp dụng để quản lý thống nhất trên địa bàn tỉnh sau sáp nhập

2. Nội dung

Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị HĐND tỉnh cho áp dụng toàn bộ Nghị quyết số 123/2024/HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị (cũ) quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý để áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (mới) theo đề nghị của UBND tỉnh. Riêng các nội dung quy định thẩm quyền trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện đã được quy định tại Nghị quyết số 123/2024/NQ-

⁵⁷. Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới quyết định việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới.

⁵⁸. Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản QPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi HĐND, UBND, Chủ tịch UBND của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản QPPL của HĐND, UBND, Chủ tịch UBND của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản QPPL mới.

⁵⁹ Đối với các thẩm quyền trong quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định theo quy định tại Nghị định này thì trong thời gian Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chưa ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định, thẩm quyền quyết định được thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đã ban hành trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; đối với các địa phương thực hiện sáp nhập, hợp nhất thì thực hiện theo phân cấp hoặc quy định về thẩm quyền của địa phương được giữ tên sau sáp nhập, hợp nhất”.

HĐND tỉnh (nay không còn cấp huyện): Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh giao thẩm quyền này cho Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo không bỏ sót đối tượng áp dụng⁶⁰. Đồng thời đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý tài sản công theo thẩm quyền để phù hợp với quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ; thực hiện quy trình trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ quy định áp dụng tại Nghị quyết này.

X. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 345/TTr-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, trình tự thủ tục và thẩm quyền

Qua kết quả khảo sát thực tế và thẩm tra hồ sơ, các dự án đã đảm bảo điều kiện về hồ sơ và trình tự, thủ tục bảo đảm quy định tại khoản 21, Điều 1 của Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Điều 248 Luật Đất đai số 31/2014/QH15 và thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật chuyên ngành. Đảm bảo một trong các điều kiện về phù hợp với Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, kế hoạch giao rừng, cho thuê rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng cấp huyện được có thẩm quyền phê duyệt. Hồ sơ các dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư, kế hoạch vốn thực hiện, đã được thẩm định chủ trương CMĐSDR của Sở Nông nghiệp & Môi trường đủ điều kiện trình HĐND tỉnh và có cam kết của chủ đầu tư sẽ triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ và thời gian quy định sau khi được HĐND tỉnh thông qua.⁶¹

2. Nội dung

Tại Kỳ họp này UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng 03 công trình, dự án. Qua rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách thống nhất đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để thực hiện 03 dự án nói trên, với tổng diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng là 20,22385 ha, gồm: 0,89310 ha rừng sản xuất và

⁶⁰. Như các đối tượng quy định tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/7/2025 của Chính phủ phân định thẩm quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực QLNN của Bộ tài Chính; Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

⁶¹ Dự án Khu đô thị Bảo Ninh 8, xã Bảo Ninh, thành phố Đồng Hới và Dự án Khu nuôi tôm thẻ chân trắng thương phẩm.

19,33075 ha rừng ngoài quy hoạch lâm nghiệp.

3. Kiến nghị HĐND tỉnh

Giao UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng theo đúng quy định của pháp luật; kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện dự án, đảm bảo các điều kiện thuận lợi để các dự án thực hiện đúng tiến độ đã được phê duyệt.

Phần 3: Các dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 06 dự thảo nghị quyết cá biệt, 05 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Đăng Ánh